TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 02 -2023.

V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ

***Thành phần Hội đồng xét xử gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Bảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trương Văn Hăng

2/ Bà Lê Thị Hiểu

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Đỗ Ngọc Mai Thy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên toà: Ông Huỳnh Minh Triết - Kiểm sát viên

Trong ngày 15 tháng 02 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 488/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2022 về việc: *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 892/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06 /2023/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

- *N đơn*: Ông **Trần Văn T**, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ 02, ấp TT, xã NH, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn*: Bà **Trần Thị H**, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ 02, ấp TT, xã NH, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

(Ông T có đơn xin xét xử vắng mặt, bà H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng với các T liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, ông T trình bày: Hôn nhân giữa ông và bà H xác lập trên cơ sở tự tìm hiểu, và sống chung như vợ chồng vào năm 2010, không có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn (theo giấy xác nhận tình trang hôn nhân số 214/UBND-XNTTHN ngày 11/10/2022).

Thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẩn, N nhân do bà H không chung thủy, bà H có mối quan hệ bất chính với người

đàn ông khác. Hiện nay, bà H đang chung sống như vợ chồng với người đàn ông khác bên ngoài. Ông T và bà H đã không còn sống chung từ đầu năm 2021 cho đến nay.

Con chung: 01 (một) con chung tên Trần Thanh N, sinh ngày 10/01/2012, hiện đang do bà H nuôi dưỡng. Ly hôn đồng ý để bà H tiếp tục nuôi dưỡng, xin không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các thông báo thụ lý, hòa giải cũng như thông báo về việc tiếp cận, công khai chứng cứ cho bà H theo quy định nhưng bà không tham gia hoà giải và không có ý kiến.

Tại phiên tòa, ông T có đơn xin xét xử vắng mặt và bảo lưu ý kiến. Bà H vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát thực hành quyền kiểm tra, giám sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa phát biểu: Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong quá trình hòa giải, xác minh thu thập chứng cứ, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng… là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử, thư ký phiên toà không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, tại phiên tòa thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sơ vụ án cho thấy hôn nhân giữa ông T và bà H xác lập trên cơ sở tự nguyện từ năm 2010 nhưng không đăng ký kết hôn, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận ông T và bà H là vợ chồng.

- Về con chung: Cháu N đang sống cùng bà H. Mặc dù không ghi nhận được ý kiến của con chung nhưng ông T cũng không tranh chấp quyền nuôi con và để đảm bảo điều kiện cho con chung phát triển, ổn định về tâm sinh lý của cháu sau này được tốt nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T, giao cháu N cho bà H được tiếp tục nuôi dạy.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Theo quy định của pháp luật, bên không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên không ghi nhận được yêu cầu của bà H nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Do ông T không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà H. Bà H có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Phú. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bà H được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, ông T có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông, bà theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Xét yêu cầu của ông T xin ly hôn với bà H thì thấy: Mặc dù ông bà chung sống với nhau như vợ chồng một cách tự nguyện từ năm 2010, tuy nhiên không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình nên không làm phát sinh giá trị pháp lý theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, Hội đồng xét xử không công nhận ông T và bà H là vợ chồng và giữa ông, bà không phát sinh các quyền, nghĩa vụ của vợ chồng đối với nhau.

[3] Về con chung:

Cháu Trần Thanh N, sinh ngày 10/01/2012, hiện đang do bà H nuôi dưỡng. Tòa án không ghi nhận được ý kiến của cháu N về việc muốn sống cùng ai sau khi cha, mẹ ly hôn nhưng ông T không có không tranh chấp việc nuôi con chung. Do vậy, để đảm bảo cho sự phát triển ổn định về tâm sinh lý, Hội đồng xét xử quyết định giao cho bà H được tiếp tục nuôi dạy con chung.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung:

Theo quy định của pháp luật, bên không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà H về việc yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, không đề cập trong phần quyết định. Trường hợp bà có yêu cầu ông T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì có quyền khởi kiện trong vụ án khác.

[5] Về tài sản chung, nợ chung:

Do ông T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, không đề cập trong phần quyết định. Trường hợp sau này bà H và ông T có tranh chấp về việc chia tài sản chung, giải quyết các khoản nợ chung thì có quyền khởi kiện trong vụ án khác.

[6] Về án phí:

Do yêu cầu của ông T được chấp nhận nên ông phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, Điều 14, 15, 16, 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận ông Trần Văn T và bà Trần Thị H là vợ chồng..

- Về con chung: Bà Trần Thị H được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Trần Thanh N, sinh ngày 10/01/2012, hiện đang sống với bà H.

Bà H cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ theo quy định của pháp luật hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về án phí: Ông T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ từ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp theo biên lai thu số 0007912 ngày 14/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quang Bảo

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh AG (1);*
- *VKS tỉnh AG (1);*
- *VKS huyện AP (2);*
- *Các đương sự (2);*
- *THADS huyện AP (1);*
- *Lưu VP (1);*
- *Lưu HS (1).*